

Số: *4182*/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày *24* tháng *11* năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt trữ lượng khoáng sản làm VLXD thông thường  
kèm theo “Báo cáo kết quả thăm dò cát làm VLXD thông thường trên  
sông Hồng thuộc xã Sơn Hà, Sơn Hải và thị trấn Phố Lu,  
huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai”**

*(Trữ lượng tính đến tháng 11/2020)*

**UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17/11/2010;*

*Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;*

*Căn cứ Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông;*

*Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;*

*Căn cứ Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;*

*Căn cứ Quyết định số 254/QĐ-UBND ngày 25/01/2019 của UBND tỉnh về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản;*

*Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số 1020/GP-UBND ngày 19/4/2019 của UBND tỉnh Lào Cai;*

*Căn cứ văn bản số 2099/CĐTND-QLKCHT ngày 07/10/2020 của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam ý kiến về khu vực khai thác mỏ cát, sỏi trên sông Hồng thuộc thành phố Lào Cai và huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.*

*Căn cứ văn bản số 1125/PCTT-UPKP ngày 03/11/2020 của Tổng cục Phòng chống thiên tai ý kiến liên quan đến công tác quản lý nhà nước về phòng chống thiên*

tại, thủy lợi đối với hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác cát, sỏi trên sông Hồng thuộc thành phố Lào Cai và huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai;

Xét đề nghị của Công ty TNHH thương mại tổng hợp Vi Anh tại đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản ghi ngày 14/11/2020;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 725/TTr-STNMT ngày 18/11/2020.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng khoáng sản cát làm VLXD thông thường kèm theo “Báo cáo kết quả thăm dò cát làm VLXD thông thường trên sông Hồng thuộc xã Sơn Hà, Sơn Hải và thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai”, với các nội dung chính sau:

1. Diện tích khu vực thăm dò, phê duyệt trữ lượng là: 7,34 ha (khu vực 1: 3,98 ha; khu vực 2: 3,36 ha), có tọa độ xác định tại Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này.

2. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường đã tính trong báo cáo:

Cấp 122: 200.553 m<sup>3</sup>.

3. Khoáng sản đi kèm (sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường):

Cấp 122: 52.005 m<sup>3</sup>.

4. Xác nhận trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác:

- Trữ lượng cát làm VLXD thông thường cấp 122: 180.498 m<sup>3</sup>.

- Trữ lượng khoáng sản đi kèm cấp 122 (sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường) cấp 122: 46.804 m<sup>3</sup>.

5. Mức sâu các khối trữ lượng phê duyệt: Như Phụ lục số 2 kèm theo.

Trữ lượng và tài nguyên khoáng sản cát, sỏi của từng khối, cấp được thống kê chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo của Quyết định này.

**Điều 2.** Các tài liệu của báo cáo kết quả thăm dò được sử dụng để lập, điều chỉnh dự án đầu tư khai thác mỏ/thiết kế khai thác mỏ, điều chỉnh các hồ sơ pháp lý có liên quan và giao nộp lưu trữ địa chất.

**Điều 3.** Trách nhiệm thi hành.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1939/QĐ-UBND ngày 24/10/2019 của UBND tỉnh Lào Cai.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *uk*

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch;
- Các Sở: GTVT-XD, CT, KHCN, KHĐT, TN&MT (02);
- UBND huyện Bảo Thắng;
- Công ty TNHH TMTH Vi Anh (03);
- Chánh Văn phòng;
- Lưu VT, KT1.

*Jack*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Trịnh Xuân Trường

**TỌA ĐỘ KHU THẨM DÒ, PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG CÁT LÀM VLXD  
THƯỜNG THƯỜNG TRÊN SÔNG HỒNG THUỘC CÁC XÃ:  
SON HÀ, SON HAI VÀ THỊ TRẤN PHỔ LU, HUYỆN BẢO THẮNG**

(Kèm theo Quyết định số 4192/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 của UBND tỉnh Lào Cai)

Điểm góc	Toạ độ Hệ VN2000 (Kinh tuyến trục $104^{\circ}45'$ , múi chiếu $3^{\circ}$ )		Diện tích (ha)
	X (m)	Y (m)	
1	2470139	440246	3,98
2	2470007	440410	
3	2469871	440672	
4	2469828	440718	
5	2469801	440731	
6	2469721	440618	
7	2470181	440284	3,36
8	2470229	440329	
9	2470106	440486	
10	2470146	440564	
11	2469930	440669	
12	2470051	440438	
			<b>7,34</b>

**THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG CÁT LÀM VLXD THÔNG THƯỜNG  
TRÊN SÔNG HỒNG THUỘC CÁC XÃ: SƠN HÀ, SƠN HẢI VÀ  
THỊ TRẤN PHỔ LU, HUYỆN BẢO THẮNG**

(Kèm theo Quyết định số ~~4182~~ **4182**/QĐ-UBND ngày **24** / **11** /2020 của UBND tỉnh Lào Cai)



STT	Khu vực	Khối trữ lượng	Mức sâu thấp nhất khối trữ lượng (m)	Trữ lượng (m <sup>3</sup> )		Trữ lượng đưa vào thiết kế khai thác (m <sup>3</sup> )	
				Khoáng sản chính (cát làm VLXD thông thường)	Khoáng sản đi kèm (sỏi làm VLXD thông thường)	Khoáng sản chính (cát làm VLXD thông thường)	Khoáng sản đi kèm (sỏi làm VLXD thông thường)
1	KV2: 3,36 ha	1 - 122	58.8	55403	14.253	49.863	12.828
2		2 - 122	57.7	37.823	10.229	34.040	9.206
3	KV1: 3,98 ha	3 - 122	57.8	29.342	7.391	26.408	6.652
4		4 - 122	57.9	77.986	20.132	70.187	18.119
<b>Tổng trữ lượng cấp 122</b>				<b>200.553</b>	<b>52.005</b>	<b>180.498</b>	<b>46.804</b>